

## DANH MỤC CỔ PHIẾU KÝ QUỸ (MARGIN)

**Ngày hiệu lực: 15/01/2026**

Danh mục cho vay tại Pinetree: **233 cổ phiếu**

| STT | MÃ CHỨNG KHOÁN | TÊN CÔNG TY                                                           | TỶ LỆ CHO VAY CŨ | TỶ LỆ CHO VAY MỚI | THAY ĐỔI |
|-----|----------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|----------|
| 1.  | AAA            | Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh                                     | 25%              | 25%               |          |
| 2.  | ACB            | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu                                   | 50%              | 50%               |          |
| 3.  | ACG            | Công ty Cổ phần Gỗ An Cường                                           | 35%              | 35%               |          |
| 4.  | ADS            | Công ty Cổ phần Damsan                                                | 30%              | 30%               |          |
| 5.  | AGG            | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia              | 30%              | 30%               |          |
| 6.  | AGR            | Công ty Cổ phần Chứng khoán AGRIBANK                                  | 30%              | 30%               |          |
| 7.  | ANV            | Công ty Cổ phần Nam Việt                                              | 45%              | 45%               |          |
| 8.  | ASM            | Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai                                      | 20%              | 20%               |          |
| 9.  | AST            | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco                             | 40%              | 40%               |          |
| 10. | BAF            | Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam                              | 35%              | 35%               |          |
| 11. | BCM            | Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP                  | 45%              | 45%               |          |
| 12. | BFC            | Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền                                    | 45%              | 45%               |          |
| 13. | BIC            | Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 50%              | 50%               |          |
| 14. | BID            | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam            | 50%              | 50%               |          |
| 15. | BMC            | Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định                                  | 30%              | 30%               |          |
| 16. | BMI            | Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh                                         | 45%              | 45%               |          |
| 17. | BMP            | Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh                                        | 50%              | 50%               |          |
| 18. | BSI            | Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV                                      | 40%              | 40%               |          |
| 19. | BSR            | Công ty Cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn                                  | 40%              | 40%               |          |
| 20. | BVH            | Tập đoàn Bảo Việt                                                     | 50%              | 50%               |          |
| 21. | BVS            | Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt                                  | 40%              | 40%               |          |
| 22. | BWE            | Công ty Cổ phần - Tổng công ty Nước - Môi trường Bình Dương           | 50%              | 50%               |          |
| 23. | CAP            | Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái                        | 20%              | 20%               |          |
| 24. | CCL            | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long          | 20%              | 20%               |          |
| 25. | CDN            | Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng                                          | 20%              | 20%               |          |
| 26. | CEO            | Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O                                        | 35%              | 35%               |          |
| 27. | CHP            | Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung                                  | 35%              | 35%               |          |
| 28. | CII            | Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh         | 40%              | 40%               |          |
| 29. | CLC            | Công ty Cổ phần Cát Lợi                                               | 20%              | 20%               |          |
| 30. | CLL            | Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái                                          | 30%              | 30%               |          |
| 31. | CMG            | Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC                                | 40%              | 40%               |          |
| 32. | CNG            | Công ty Cổ phần CNG Việt Nam                                          | 45%              | 45%               |          |
| 33. | CSC            | Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA                                       | 20%              | 20%               |          |

| STT | MÃ CHỨNG KHOÁN | TÊN CÔNG TY                                                     | TỶ LỆ CHO VAY CŨ | TỶ LỆ CHO VAY MỚI | THAY ĐỔI |
|-----|----------------|-----------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|----------|
| 34. | CSM            | Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam                     | 35%              | 35%               |          |
| 35. | CSV            | Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam                        | 50%              | 50%               |          |
| 36. | CTD            | Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons                              | 50%              | 50%               |          |
| 37. | CTG            | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam               | 50%              | 50%               |          |
| 38. | CTI            | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO             | 30%              | 30%               |          |
| 39. | CTR            | Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel                         | 50%              | 50%               |          |
| 40. | CTS            | Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam      | 40%              | 40%               |          |
| 41. | D2D            | Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2              | 25%              | 25%               |          |
| 42. | DBC            | Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam                        | 50%              | 50%               |          |
| 43. | DBD            | Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR) | 50%              | 50%               |          |
| 44. | DC4            | Công ty Cổ phần Dicera Holdings                                 | 20%              | 20%               |          |
| 45. | DCL            | Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long                              | 20%              | 20%               |          |
| 46. | DCM            | Công ty Cổ phần Phân bón Dầu Khí Cà Mau                         | 50%              | 50%               |          |
| 47. | DGC            | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang                     | 50%              | 50%               |          |
| 48. | DGW            | Công ty Cổ phần Thế Giới Số                                     | 45%              | 45%               |          |
| 49. | DHA            | Công ty Cổ phần Hóa An                                          | 40%              | 40%               |          |
| 50. | DHC            | Công ty Cổ phần Đồng Hải Bến Tre                                | 40%              | 40%               |          |
| 51. | DHG            | Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang                                  | 50%              | 50%               |          |
| 52. | DHT            | Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây                                | 20%              | 20%               |          |
| 53. | DIG            | Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng                 | 35%              | 35%               |          |
| 54. | DP3            | Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương 3                          | 30%              | 30%               |          |
| 55. | DPG            | Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương                             | 40%              | 40%               |          |
| 56. | DPM            | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần     | 50%              | 50%               |          |
| 57. | DPR            | Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú                                 | 45%              | 45%               |          |
| 58. | DRC            | Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng                                  | 40%              | 40%               |          |
| 59. | DSE            | Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE                                | 35%              | 35%               |          |
| 60. | DSN            | Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen                          | 30%              | 30%               |          |
| 61. | DTD            | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt                     | 35%              | 35%               |          |
| 62. | DVM            | Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam                              | 25%              | 25%               |          |
| 63. | DVP            | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ               | 40%              | 40%               |          |
| 64. | DXG            | Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh                               | 35%              | 35%               |          |
| 65. | DXP            | Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá                                    | 35%              | 35%               |          |
| 66. | E1VFN30        | Quỹ ETF DCVFMVN30                                               | 50%              | 50%               |          |
| 67. | EIB            | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam            | 50%              | 50%               |          |
| 68. | ELC            | Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM                    | 40%              | 40%               |          |
| 69. | EVF            | Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện Lực                     | 30%              | 30%               |          |
| 70. | FCN            | Công ty Cổ phần FECON                                           | 30%              | 30%               |          |
| 71. | FMC            | Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta                                | 45%              | 45%               |          |
| 72. | FPT            | Công ty Cổ phần FPT                                             | 50%              | 50%               |          |
| 73. | FRT            | Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT                          | 40%              | 40%               |          |
| 74. | FTS            | Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT                                 | 45%              | 45%               |          |

| STT  | MÃ CHỨNG KHOÁN | TÊN CÔNG TY                                                   | TỶ LỆ CHO VAY CŨ | TỶ LỆ CHO VAY MỚI | THAY ĐỔI |
|------|----------------|---------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|----------|
| 75.  | FUESSVFL       | Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD                                      | 50%              | 50%               |          |
| 76.  | FUEVFNVD       | Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND                                       | 50%              | 50%               |          |
| 77.  | GAS            | Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần                   | 50%              | 50%               |          |
| 78.  | GDT            | Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành                         | 40%              | 40%               |          |
| 79.  | GEE            | Công ty Cổ phần Điện lực Gelex                                | 40%              | 40%               |          |
| 80.  | GEG            | Công ty Cổ phần Điện Gia Lai                                  | 40%              | 40%               |          |
| 81.  | GEX            | Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex                                | 45%              | 45%               |          |
| 82.  | GMD            | Công ty Cổ phần Gemadept                                      | 50%              | 50%               |          |
| 83.  | GSP            | Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế                  | 35%              | 35%               |          |
| 84.  | GVR            | Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần        | 50%              | 50%               |          |
| 85.  | HAG            | Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai                             | 30%              | 30%               |          |
| 86.  | HAH            | Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An                      | 50%              | 50%               |          |
| 87.  | HAX            | Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh                        | 20%              | 20%               |          |
| 88.  | HCD            | Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD             | 20%              | 20%               |          |
| 89.  | HCM            | Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh             | 50%              | 50%               |          |
| 90.  | HDB            | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh | 45%              | 45%               |          |
| 91.  | HDC            | Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu                | 35%              | 35%               |          |
| 92.  | HDG            | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô                                | 50%              | 50%               |          |
| 93.  | HHP            | Công ty Cổ phần HHP Global                                    | 20%              | 20%               |          |
| 94.  | HHS            | Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy                      | 30%              | 30%               |          |
| 95.  | HHV            | Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả              | 35%              | 35%               |          |
| 96.  | HPG            | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát                             | 50%              | 50%               |          |
| 97.  | HSG            | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen                              | 40%              | 40%               |          |
| 98.  | HT1            | Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên                         | 30%              | 30%               |          |
| 99.  | HTG            | Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ                          | 30%              | 30%               |          |
| 100. | HTI            | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO               | 30%              | 30%               |          |
| 101. | HUB            | Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế                        | 30%              | 30%               |          |
| 102. | HUT            | Công ty Cổ phần Tasco                                         | 20%              | 20%               |          |
| 103. | IDC            | Tổng Công ty IDICO - CTCP                                     | 50%              | 50%               |          |
| 104. | IDV            | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc                  | 30%              | 30%               |          |
| 105. | IJC            | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật                   | 45%              | 45%               |          |
| 106. | ILB            | Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình                      | 20%              | 20%               |          |
| 107. | IMP            | Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM                           | 40%              | 40%               |          |
| 108. | INN            | Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp                      | 30%              | 30%               |          |
| 109. | ITC            | Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà                       | 30%              | 30%               |          |
| 110. | KBC            | Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc                       | 40%              | 40%               |          |
| 111. | KDC            | Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO                                 | 35%              | 35%               |          |
| 112. | KDH            | Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền           | 50%              | 50%               |          |
| 113. | KHG            | Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land                       | 30%              | 30%               |          |
| 114. | KHP            | Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa                            | 20%              | 20%               |          |
| 115. | KSB            | Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương             | 30%              | 30%               |          |

| STT  | MÃ CHỨNG KHOÁN | TÊN CÔNG TY                                              | TỶ LỆ CHO VAY CŨ | TỶ LỆ CHO VAY MỚI | THAY ĐỔI |
|------|----------------|----------------------------------------------------------|------------------|-------------------|----------|
| 116. | LAS            | Công ty Cổ phần Supe Phot phát và Hóa chất Lâm Thao      | 40%              | 40%               |          |
| 117. | LBM            | Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng | 30%              | 30%               |          |
| 118. | LCG            | Công ty Cổ phần Lizen                                    | 30%              | 30%               |          |
| 119. | LHC            | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng     | 30%              | 30%               |          |
| 120. | LHG            | Công ty Cổ phần Long Hậu                                 | 40%              | 40%               |          |
| 121. | LIX            | Công ty Cổ phần Bột Giặt LIX                             | 40%              | 40%               |          |
| 122. | LPB            | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam           | 50%              | 50%               |          |
| 123. | LSS            | Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn                        | 25%              | 25%               |          |
| 124. | MBB            | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội                    | 50%              | 50%               |          |
| 125. | MBS            | Công ty Cổ phần Chứng khoán MB                           | 50%              | 50%               |          |
| 126. | MCM            | Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu                    | 40%              | 40%               |          |
| 127. | MIG            | Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội                   | 45%              | 45%               |          |
| 128. | MSB            | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam           | 50%              | 50%               |          |
| 129. | MSH            | Công ty Cổ phần May Sông Hồng                            | 45%              | 45%               |          |
| 130. | MSN            | Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan                           | 50%              | 50%               |          |
| 131. | MWG            | Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động                  | 50%              | 50%               |          |
| 132. | NAB            | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á                       | 35%              | 35%               |          |
| 133. | NAF            | Công ty Cổ phần Nafoods Group                            | 40%              | 40%               |          |
| 134. | NCT            | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài                 | 40%              | 40%               |          |
| 135. | NET            | Công ty Cổ phần Bột giặt Net                             | 30%              | 30%               |          |
| 136. | NHA            | Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội  | 30%              | 30%               |          |
| 137. | NHH            | Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội                              | 35%              | 35%               |          |
| 138. | NKG            | Công ty Cổ phần Thép Nam Kim                             | 40%              | 40%               |          |
| 139. | NLG            | Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long                          | 50%              | 50%               |          |
| 140. | NNC            | Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ                               | 30%              | 30%               |          |
| 141. | NSC            | Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam        | 30%              | 30%               |          |
| 142. | NT2            | Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2            | 40%              | 40%               |          |
| 143. | NTL            | Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm                | 30%              | 30%               |          |
| 144. | NTP            | Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong               | 50%              | 50%               |          |
| 145. | OCB            | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông                 | 35%              | 35%               |          |
| 146. | PAC            | Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam                      | 40%              | 40%               |          |
| 147. | PAN            | Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN                             | 40%              | 40%               |          |
| 148. | PC1            | Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1                             | 45%              | 45%               |          |
| 149. | PDR            | Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt         | 35%              | 35%               |          |
| 150. | PET            | Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí            | 40%              | 40%               |          |
| 151. | PGC            | Tổng Công ty Gas Petrolimex - Công ty Cổ phần            | 35%              | 35%               |          |
| 152. | PGD            | Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp dầu khí Việt Nam   | 20%              | 20%               |          |
| 153. | PHR            | Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa                         | 50%              | 50%               |          |
| 154. | PLC            | Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - Công ty Cổ phần        | 35%              | 35%               |          |
| 155. | PLX            | Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam                               | 50%              | 50%               |          |
| 156. | PNJ            | Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận                | 50%              | 50%               |          |
| 157. | POW            | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP            | 50%              | 50%               |          |

| STT  | MÃ CHỨNG KHOÁN | TÊN CÔNG TY                                                | TỶ LỆ CHO VAY CŨ | TỶ LỆ CHO VAY MỚI | THAY ĐỔI |
|------|----------------|------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|----------|
| 158. | PPC            | Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại                         | 30%              | 30%               |          |
| 159. | PSD            | Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí         | 30%              | 30%               |          |
| 160. | PTB            | Công ty Cổ phần Phú Tài                                    | 40%              | 40%               |          |
| 161. | PVB            | Công ty Cổ phần Bọc ống dầu khí Việt Nam                   | 25%              | 25%               |          |
| 162. | PVC            | Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty Cổ phần | 30%              | 30%               |          |
| 163. | PVD            | Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí        | 50%              | 50%               |          |
| 164. | PVI            | Công ty Cổ phần PVI                                        | 45%              | 45%               |          |
| 165. | PVP            | Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương            | 45%              | 45%               |          |
| 166. | PVS            | Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam     | 50%              | 50%               |          |
| 167. | PVT            | Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí                       | 50%              | 50%               |          |
| 168. | RAL            | Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông              | 35%              | 35%               |          |
| 169. | REE            | Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh                               | 50%              | 50%               |          |
| 170. | SAB            | Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn   | 50%              | 50%               |          |
| 171. | SBA            | Công ty Cổ phần Sông Ba                                    | 30%              | 30%               |          |
| 172. | SBT            | Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa                | 40%              | 40%               |          |
| 173. | SCS            | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn                   | 45%              | 45%               |          |
| 174. | SGN            | Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn                    | 40%              | 40%               |          |
| 175. | SHB            | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội              | 45%              | 45%               |          |
| 176. | SHP            | Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam                         | 20%              | 20%               |          |
| 177. | SHS            | Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội               | 40%              | 40%               |          |
| 178. | SIP            | Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG                         | 45%              | 45%               |          |
| 179. | SJD            | Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn                          | 35%              | 35%               |          |
| 180. | SJS            | Công ty Cổ phần SJ Group                                   | 20%              | 20%               |          |
| 181. | SKG            | Công ty Cổ phần Tàu Cao tốc Superdong - Kiên Giang         | 30%              | 30%               |          |
| 182. | SLS            | Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La                           | 35%              | 35%               |          |
| 183. | SMB            | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung                   | 30%              | 30%               |          |
| 184. | SSB            | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á                    | 50%              | 50%               |          |
| 185. | SSI            | Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI                            | 50%              | 50%               |          |
| 186. | STB            | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín            | 50%              | 50%               |          |
| 187. | SZB            | Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình                         | 20%              | 20%               |          |
| 188. | SZC            | Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức                          | 40%              | 40%               |          |
| 189. | SZL            | Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành                        | 30%              | 30%               |          |
| 190. | TCB            | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam            | 50%              | 50%               |          |
| 191. | TCH            | Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy         | 35%              | 35%               |          |
| 192. | TCL            | Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng   | 40%              | 40%               |          |
| 193. | TCM            | Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công   | 40%              | 40%               |          |
| 194. | TDC            | Công ty Cổ phần Kinh doanh và phát triển Bình Dương        | 25%              | 25%               |          |
| 195. | TDM            | Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một                           | 40%              | 40%               |          |



| STT  | MÃ CHỨNG KHOÁN | TÊN CÔNG TY                                                | TỶ LỆ CHO VAY CŨ | TỶ LỆ CHO VAY MỚI | THAY ĐỔI |
|------|----------------|------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|----------|
| 196. | THG            | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang              | 30%              | 30%               |          |
| 197. | TIP            | Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa       | 30%              | 30%               |          |
| 198. | TLG            | Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long                        | 50%              | 50%               |          |
| 199. | TMB            | Công ty Cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin       | 20%              | 20%               |          |
| 200. | TNG            | Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG                   | 45%              | 45%               |          |
| 201. | TPB            | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong                    | 45%              | 45%               |          |
| 202. | TRA            | Công ty Cổ phần Traphaco                                   | 25%              | 25%               |          |
| 203. | TRC            | Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh                            | 35%              | 35%               |          |
| 204. | TTA            | Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành | 25%              | 25%               |          |
| 205. | TV2            | Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2                     | 35%              | 35%               |          |
| 206. | TVD            | Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin                 | 25%              | 25%               |          |
| 207. | VC3            | Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông                       | 25%              | 25%               |          |
| 208. | VCB            | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam         | 50%              | 50%               |          |
| 209. | VCG            | Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam   | 50%              | 50%               |          |
| 210. | VCI            | Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap                        | 50%              | 50%               |          |
| 211. | VCS            | Công ty Cổ phần VICOSTONE                                  | 50%              | 50%               |          |
| 212. | VDS            | Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt                      | 30%              | 30%               |          |
| 213. | VPI            | Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú            | 0%               | 30%               | Thêm mới |
| 214. | VFG            | Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam                         | 40%              | 40%               |          |
| 215. | VFS            | Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt                      | 30%              | 30%               |          |
| 216. | VGC            | Tổng Công ty Viglacera - Công ty Cổ phần                   | 50%              | 50%               |          |
| 217. | VGS            | Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE                | 35%              | 35%               |          |
| 218. | VHC            | Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn                                  | 50%              | 50%               |          |
| 219. | VHM            | Công ty Cổ phần Vinhomes                                   | 50%              | 50%               |          |
| 220. | VIB            | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam              | 50%              | 50%               |          |
| 221. | VIC            | Tập đoàn Vingroup - Công ty CP                             | 40%              | 40%               |          |
| 222. | VIP            | Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO                     | 30%              | 30%               |          |
| 223. | VIX            | Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX                            | 40%              | 40%               |          |
| 224. | VJC            | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet                         | 30%              | 30%               |          |
| 225. | VND            | Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT                       | 35%              | 35%               |          |
| 226. | VNM            | Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam                               | 50%              | 50%               |          |
| 227. | VNR            | Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam        | 35%              | 35%               |          |
| 228. | VPB            | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng          | 50%              | 50%               |          |
| 229. | VPD            | Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam               | 25%              | 25%               |          |
| 230. | VRE            | Công ty Cổ phần Vincom Retail                              | 50%              | 50%               |          |
| 231. | VSC            | Công ty Cổ phần Container Việt Nam                         | 45%              | 45%               |          |
| 232. | VTP            | Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel                     | 45%              | 45%               |          |
| 233. | YEG            | Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1                             | 20%              | 20%               |          |